

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2023

Số: 42 /TB-HV

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản xe ô tô thanh lý năm 2022-2023

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật quản lý và sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý và sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 16/05/2017 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-BTTTT ngày 15/08/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thanh lý xe ô tô của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-HV ngày 10/01/2023 của Giám đốc Học viện Công nghệ BCVT về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá 08 xe ô tô thanh lý năm 2022-2023;

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Sau đây gọi là Học viện) trân trọng thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện tổ chức bán đấu giá tài sản 2 lô xe ô tô thanh lý năm 2022 -2023 như sau:

1. Tên, địa chỉ của Người có tài sản bán đấu giá:

- Tên đơn vị: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- Địa chỉ: Số 122, Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

2. Thông tin về tài sản bán đấu giá:

- Tên tài sản: Xe ô tô thanh lý
- Số lượng tài sản: 02 lô (gồm 8 xe)
- Chất lượng: tài sản đã hết khấu hao
(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- Lô số 1 gồm 04 xe ô tô: 201.135.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- Lô số 2 gồm 04 xe ô tô: 344.000.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tư triệu đồng).

Giá khởi điểm chưa bao gồm thuế GTGT, các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản phải có các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đấu giá tài sản bao gồm:

- Cơ sở vật chất: Có trụ sở, địa chỉ rõ ràng, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản: Là tổ chức đấu giá được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, đã đăng ký hoạt động với Sở tư pháp, có đầy đủ bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên.
- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản: Theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ tài chính và các quy định khác của pháp luật.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Hồ sơ pháp lý theo quy định.
- Tiêu chí đánh giá để lựa chọn tổ chức bán đấu giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày 16/01/2022 đến ngày 19/01/2023 (Trong giờ hành chính).

Người đến nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá nộp trực tiếp tại Học viện, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân/căn cước công dân.

- Địa điểm nộp hồ sơ:

Phòng Tài chính Kế toán, P118, nhà A1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
Km 10 Đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại liên hệ: 0912756769

Học viện thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. Học viện sẽ có văn bản liên hệ tới tổ chức đấu giá được lựa chọn, những đơn vị không nhận được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Hồ sơ lựa chọn cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản không được hoàn trả lại.

Học viện trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Công thông tin về Điện tử quốc gia về đấu giá tài sản
- Lưu: VT, TGV HĐTLTS.



PHỤ LỤC
DANH MỤC 2 LÔ XE Ô TÔ THANH LÝ NĂM 2022-2023

(Đính kèm Thông báo số 42/TB-HV ngày 11/01/2023)

I. Lô số 1:

1. Xe Toyota Hiace BKS 31A – 4497:

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Biển đăng ký: 31A - 4497
- Năm sản xuất: 2000
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Niên hạn SD: 2020
- Số khung: RZH114-9006015
- Số máy: 2342807
- Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1450/1430 (mm)
- Kích thước bao: 4900x1690x1935 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 2590 (mm)
- Khối lượng bản thân: 1695 (kg)
- Số người cho phép chở: 16 ngồi, 0 đứng, 0 nằm
- Khối lượng toàn bộ theo TK/CP tham gia giao thông: 2735/2735 kg
- Loại nhiên liệu: Xăng
- Thể tích làm việc của động cơ: 1998 (cm³)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 77(kW)/5400vph
- Số seri: KD-3557334
- Màu sơn: Xanh
- Hiện trạng: xe ô tô đã qua sử dụng, hết niên hạn sử dụng, động cơ không còn hoạt động.

2. Xe Toyota Hiace BKS 33A – 0789:

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Biển đăng ký: 33A – 0789
- Năm sản xuất: 2001
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Niên hạn SD: 2021
- Số khung: RZH114-5000068
- Số máy: 2515471
- Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1450/1430 (mm)
- Kích thước bao: 4640x1690x1935 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 2330 (mm)
- Khối lượng bản thân: 1700 (kg)
- Số người cho phép chở: 12 ngồi, 0 đứng, 0 nằm
- Khối lượng toàn bộ theo TK/CP tham gia giao thông: 2470/2470 kg
- Loại nhiên liệu: Xăng
- Thể tích làm việc của động cơ: 1998 (cm³)

- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 74(kW)/5400vph
- Số seri: KD-7599990
- Màu sơn: Ghi hồng
- Hiện trạng: xe ô tô đã qua sử dụng, hết niên hạn sử dụng, động cơ không còn hoạt động.

3. Xe Mazda 626 BKS 33A – 2277:

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Biển đăng ký: 33A – 2277
- Năm sản xuất: 2002
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Số khung: GF22S1MH-001116
- Số máy: FS-268632
- Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1475/1480 (mm)
- Kích thước bao: 4575x1710x1443 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 2610 (mm)
- Khối lượng bản thân: 1171 (kg)
- Số người cho phép chở: 5 ngồi, 0 đứng, 0 nằm
- Khối lượng toàn bộ theo TK/CP tham gia giao thông: 1640/1640 kg
- Loại nhiên liệu: Xăng
- Thể tích làm việc của động cơ: 1991 (cm³)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 92(kW)/5500vph
- Số seri: KD-6033245
- Màu sơn: Trắng
- Hiện trạng: xe ô tô đã qua sử dụng, động cơ còn hoạt động, nội thất xuống cấp.

4. Xe Isuzu Trooper UBS25G BKS 31A-5752

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Biển đăng ký: 31A-5752
- Năm sản xuất: 2002
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Số khung: JACUBS25G27101408
- Số máy: 152949
- Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1455/1460 (mm)
- Kích thước bao: 4605x1745x1840 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 2760 (mm)
- Khối lượng bản thân: 1865 (kg)
- Số người cho phép chở: 7 ngồi, 0 đứng, 0 nằm
- Khối lượng toàn bộ theo TK/CP tham gia giao thông: 2600/2600 kg
- Loại nhiên liệu: Xăng
- Thể tích làm việc của động cơ: 3165 (cm³)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 151(HP)/5400vph
- Số seri: DA-0865585

- Màu sơn: Xám
- Hiện trạng: xe ô tô đã qua sử dụng, động cơ còn hoạt động.

II. Lô số 2:

1. Xe Thaco KB110 SEII BKS 50A-009.25

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Biển đăng ký: 50A-009.25
- Năm sản xuất: 2008
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Niên hạn SD: 2028
- Số khung: RNHTGB47A8C020514
- Số máy: YC6A240-20A35QA700364
- Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 2020/1860 (mm)
- Kích thước bao: 10700x2490x3435 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 5170 (mm)
- Khối lượng bản thân: 11100 (kg)
- Số người cho phép chở: 47 người, 0 đứng, 0 nằm
- Khối lượng toàn bộ theo TK/CP tham gia giao thông: 15000/15000 kg
- Loại nhiên liệu: Diesel
- Thể tích làm việc của động cơ: 7255 (cm³)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 177(kW)/2300vph
- Số seri: KC-3491492
- Màu sơn: Xanh Trắng Đỏ
- Hiện trạng: xe ô tô đã qua sử dụng, động cơ không còn hoạt động, nội thất xuống cấp

2. Xe Mitsubishi Pajero GLV6V33V BKS 52T-2112

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Biển đăng ký: 52T-2112
- Năm sản xuất: 2001
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Số khung: RLA00V33V11000113
- Số máy: 6G72-NM2815
- Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1420/1435 (mm)
- Kích thước bao: 4755x1695x1865 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 2725 (mm)
- Khối lượng bản thân: 1955 (kg)
- Số người cho phép chở: 7 người, 0 đứng, 0 nằm
- Khối lượng toàn bộ theo TK/CP tham gia giao thông: 2500/2500 kg
- Loại nhiên liệu: Xăng
- Thể tích làm việc của động cơ: 2972 (cm³)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 109(kW)/5000vph
- Số seri: DA-0714276

- Màu sơn: Xám
- Hiện trạng: xe ô tô đã qua sử dụng, động cơ còn hoạt động, nội thất xuống cấp.

3. Xe ô tô FORD TRANSIT FCCY - HFFA BKS 53M -9698

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Loại phương tiện: Ô tô khách
- Màu xe: Bạc đen
- Nhãn hiệu/Hãng sản xuất: FORD
- Số loại: TRANSIT FCCY - HFFA
- Số máy: HFFA4S21665
- Số khung: WF0FXXMCMVF4S21665
- Năm, nước sản xuất: 2004, Việt Nam
- Công thức bánh xe: 4 × 2
- Vết bánh xe: 1737/1700 mm
- Kích thước bao: 5651 × 1974 × 2395 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 3750 mm
- Khối lượng bản thân: 2284 Kg
- Khối lượng toàn bộ theo TK/ CP TGGT: 3500/3500Kg
- Thể tích làm việc động cơ: 2402 cm³
- Số chỗ ngồi: 16 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
- Nhiên liệu: Diesel
- Công suất lớn nhất/ tốc độ quay: 88 kW/4000vph
- Hiện trạng: Xe ô tô đã qua sử dụng, động cơ còn hoạt động, nội thất xuống cấp.

4. Xe ô tô FORD ESCAPE XLT BKS 31A -5592

Hiện trạng, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật:

- Màu xe: Đỏ
- Nhãn hiệu/Hãng sản xuất: FORD
- Số loại: ESCAPE XLT
- Số máy: AJ-269653
- Số khung: FVLFHBMERP2M00849
- Năm, nước sản xuất: 2002, Việt Nam
- Công thức bánh xe: 4 × 4
- Vết bánh trước/sau: 1.550/1.530 mm
- Kích thước bao: 4.415 × 1.825 × 1.770 (mm)
- Chiều dài cơ sở: 2.620 mm
- Trọng lượng bản thân: 1.545 Kg
- Trọng lượng toàn bộ TK/ CP TGGT: 2.045 Kg
- Thể tích làm việc động cơ: 2.967 cm³
- Số chỗ ngồi: 5 chỗ ngồi
- Nhiên liệu: Xăng
- Công suất lớn nhất/ tốc độ quay: 149kW/6000v/ph

- Kiểu động cơ: FORD AJ

- Hiện trạng: Xe ô tô đã qua sử dụng, động cơ còn hoạt động, nội thất xuống cấp

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Đã từng tổ chức đấu giá tài sản cho Học viện Bưu chính Viễn Thông trong vòng 02 năm trở lại đây	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>